

Bản án số: 05/2025/DS- ST

Ngày: 26-02-2025

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ L, TỈNH L

Với tHnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nga

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần M Hải

2. Bà H Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Lê Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tHnh phố L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tHnh phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 23/9/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 22/10/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 08/11/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 20/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 18/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Xuân T, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

- *Bị đơn:* ông Bùi Văn H, sinh năm 1940 (có mặt)

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

+ Ông Bùi Mạnh H, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L

+ Bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đoàn Kết, tHnh phố L, tỉnh L (có mặt);

+ Ủy ban nhân dân xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn S - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đức Hồng C – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 845/CV-UBND ngày 07/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S), (có mặt);

* Người làm chứng:

+ Ông Vàng Văn M, sinh năm 1968

Địa chỉ: Bản C, xã S, tHnh phố L, tỉnh L (vắng mặt);

+ Bà Hồ Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Địa chỉ: Bản C, xã S, tHnh phố L, tỉnh L (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:*

Năm 1988 ông làm ở cửa Hng lương thực xã T, huyện T tỉnh L, do cơ quan lương thực không có nH ở cho cán bộ công nhân viên nên gia đình ông đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L xin được cấp đất để làm nH ở. Sau khi tiếp nhận đơn của gia đình ông năm 1988 Ủy ban nhân dân xã T đã cấp cho gia đình ông 01 mảnh đất để làm nH ở diện tích là 600m² tại khu vực đằng sau nghĩa trang liệt sĩ T, huyện T, tỉnh L (nay là Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L).

Đến tháng 9/1988, gia đình ông đã san ủi mặt bằng, đến tháng 10/1988 gia đình ông làm nH và ở mảnh đất đó cho đến nay, khi đó ở gần mảnh đất này có một ít đất dôi dư nên gia đình ông đã khai hoang và canh tác. Năm 1999, NH nước đã đo đạc và quy chủ toàn bộ phần đất mà gia đình ông được cấp và phần đất gia đình ông khai hoang với tổng diện tích là 1.988m² được thể hiện tại tờ bản đồ số 42 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T quản lý (nay là xã S, tHnh phố L). Năm 2000, do nơi ở của gia đình ông và gia đình ông Đỗ Đình Sâm khó khăn về nước sinh hoạt nên gia đình ông Sâm đã chuyển đi chỗ khác ở và chuyển nhượng lại đất cho gia đình ông diện tích là 1.000m² (có giấy chuyển nhượng của hai gia đình và được Ủy ban nhân

dân xã T, huyện T, tỉnh L xác nhận). Từ thời điểm đó đến nay gia đình ông vẫn canh tác, sử dụng ổn định, liên tục và không có tranh chấp với ai.

Đến năm 2007, thị xã L có dự án mở rộng nghĩa trang liệt sĩ xã S, thị xã L và thực hiện thu hồi một số diện tích đất của các hộ gia đình có đất gần khu vực nghĩa trang để mở rộng và cải tạo nghĩa trang, trong đó gia đình ông đã bị thu hồi 722m². Khi ban Quản lý dự án thực hiện chi trả đền bù phần diện tích đất được thu hồi cho các hộ gia đình thì không có gia đình nào có tranh chấp đất hay ý kiến nào, việc bồi thường diễn ra thuận lợi.

Năm 2013, Ủy ban nhân dân xã S thông báo các hộ gia đình khai báo phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng để Ủy ban nhân dân tHnh phố làm thủ tục cấp giấy. Đến tháng 9/2013, gia đình ông được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 460,7m² đất thổ cư. Số diện tích đất còn lại vẫn chưa được cấp.

Năm 2017, tHnh phố L có dự án mở rộng chợ S và cho san ủi khu vực nghĩa trang làm bãi đỗ xe vì trước đó khu vực nghĩa trang đã được chuyển toàn bộ về nghĩa trang liệt sĩ tHnh phố hiện nay. Để cải tạo phần đất của gia đình tiện cho việc tăng gia, sản xuất, gia đình ông đã tiến hành san ủi và được Ủy ban nhân dân xã S đồng ý, trong suốt quá trình san ủi, gia đình ông không nhận được sự phản đối của gia đình nào và không có tranh chấp với ai.

Năm 2018 gia đình ông làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã S xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho phần đất chưa được cấp và được sự hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã S, gia đình ông đã mời Văn phòng đăng ký đất đai để đo đạc diện tích đất đề nghị cấp giấy, thời điểm đo đạc các hộ gia đình có phần đất giáp ranh cũng đồng ý với những phần đất có giáp ranh với phần đất nh ông, phía gia đình ông Bùi Văn H cử con trai đến chỉ ranh giới giữa phần đất giáp ranh của gia đình ông và gia đình ông H nên cán bộ Văn phòng đăng ký đất mới đo đạc và vẽ được sơ đồ thửa đất nh ông. Nhưng khi có thông báo kết quả đo đạc gửi về để các hộ gia đình có đất liên kê ký xác nhận, các hộ gia đình khác đều nhất trí và ký xác nhận vào kết quả đo đạc, duy nhất chỉ có ông H là không nhất trí và phát sinh vấn đề tranh chấp đất với gia đình ông, lý do mà ông H đưa ra là trong thửa đất 81 và 90 có đất của nh ông H, trong khi nhiều lần làm việc với Ủy ban nhân dân xã, phòng Tài Nguyên Môi trường tHnh phố ông H đều không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ chứng M trong thửa đất 81 và 90 có một phần diện tích đất của nh ông H.

Sau đó gia đình ông tiếp tục gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã S giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân xã S đã 03 lần mời 02 bên gia đình đến hòa giải nhưng đều không tHnh, nên gia đình ông lại gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tHnh phố đề nghị giải quyết, sau nhiều lần làm việc chung, riêng với 02 gia đình, Ủy ban nhân dân tHnh phố đã có công văn trả lời đề nghị Ủy ban nhân dân xã S chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường tHnh phố thực hiện các thủ tục, xác M nguồn gốc đất để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình ông và yêu cầu ông H nếu có bất kỳ giấy tờ, chứng cứ nào

chứng M phần đất của gia đình ông đang đề nghị thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận thì cung cấp cho Ủy ban nhân dân xã S để được giải quyết, nếu không có thì tạo điều kiện cho gia đình ông được hoàn thiện hồ sơ. Sau khi nhận được công văn trả lời của Ủy ban nhân dân tHnh phố, Ủy ban nhân dân xã S đã 03 lần đến nH gặp gỡ, vận động gia đình ông H tạo điều kiện, ký xác nhận kết quả đo đạc cho gia đình ông nhưng ông H vẫn không nhất trí và ông H cũng không đưa ra được giấy tờ hay chứng cứ gì chứng M phần diện tích đất trong thửa 81 và 90 tờ bản đồ số 40 của gia đình nH ông H.

Ngày 15/8/2022 Ủy ban nhân dân xã S đã tổ chức xác M lại nguồn gốc đất và điều chỉnh, trả lại một phần diện tích đất của thửa đất 81 và 90 cho đường giao thông và gia đình ông đã nhất trí, cụ thể điều chỉnh thửa 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 882,7m² và thửa 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.201,4m².

Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 882,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L có nguồn gốc là năm 2000, gia đình ông mua của ông Đỗ Đình Sâm diện tích 1000m² và một phần đất là gia đình ông khai hoang năm 1990; Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.201,4m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L có nguồn gốc là năm 1988 gia đình ông được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cấp và một phần đất là đường đi lên nghĩa trang, năm 1988 nghĩa trang di chuyển về nghĩa trang Nậm Loỏng, sau khi nghĩa trang chuyển đi, lúc đó gia đình ông bà có đất gần ở đó đã khai phá để canh tác sử dụng vào năm 1989. Những thửa đất trên có ông Vàng Văn M, ông Vũ Văn Trường, ông Trần Mạnh Lom biết việc gia đình ông khai hoang, chứ gia đình ông không mượn đất của gia đình ông H.

Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 882,7m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.201,4m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2023, ông Trần Xuân T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 11,8m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 20,7m². Tổng diện tích đất là 32,5m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L. Cụ thể ông yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết công nhận thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T.

** Lời khai của bị đơn ông Bùi Văn H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H trình bày:*

Năm 1984 gia đình ông có mua nH và đất của ông Nguyễn Văn Đạm tại bản S, xã S, huyện T, tỉnh L (nay là Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L) có ngõ nH ông Đạm đi từ đường quốc lộ 4D vào nH cùng với đường đi lên nghĩa trang liệt sỹ chống tàu, năm 1989 nghĩa trang được di chuyển về nghĩa trang Nậm Loỏng, phường Quyết Thắng hiện nay. Sau khi nghĩa trang chuyển đi thì ông đã được ông Nguyễn Mạnh

Hồ là Bí thư Đảng Ủy và ông Đỗ Khâm là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S cho san lấp, khai phá để làm nương canh tác trồng ngô, khoai, sắn. Năm 1987 Ủy ban nhân dân xã S, huyện T có ý kiến để lại diện tích đất sau nh ông cho hai hộ gia đình bà Dung Sín và gia đình bà Hiền Nhoi, sau đó nh Hiền Nhoi không ở mà cho nh Dung Sín làm nh ở, nh Dung Sín sau lại bán cho nh Sâm M rồi nh Sâm M lại bán lại cho nh T N. Năm 1998 các con ông đi học ở Thuận Châu, Sơn La, do không có nhân lực để canh tác ông đã cho vợ chồng ông Trần Xuân T mượn 02 mảnh đất phía tây giáp đất của ông T để trồng ngô, khoai, cũng trong năm 1998 tỉnh cho đo lại bản đồ sử dụng đất đai ông Trần Xuân T đã tự ý chỉ cho cán bộ đo đạc gộp 02 mảnh nương mà ông cho mượn và đường đi lên nương của nh ông vào mảnh đất của nh ông T mà không có sự đồng ý của ông và khi đo đạc không gọi ông là hộ giáp ranh chứng kiến. Đến khi thị xã L giải tỏa đất để làm bãi đỗ xe thì ông mới biết ông Trần Xuân T kiện ông ra xã S đòi đi chung ngõ nh ông là đường đi chung để ông T bán đất.

Vì vậy, nay ông Trần Xuân T yêu cầu Tòa án công nhận thừa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T là ông không đồng ý.

** Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N trình bày trình bày:*

Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9 m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L có nguồn gốc là năm 2000, gia đình ông mua của ông Đỗ Đình Sâm diện tích 1000m² và một phần đất là gia đình ông khai hoang năm 1990; Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.201,4m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L có nguồn gốc là năm 1988 gia đình ông bà được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cấp và một phần đất là đường đi lên nghĩa trang, năm 1988 nghĩa trang di chuyển về nghĩa trang Nậm Loong, sau khi nghĩa trang chuyển đi, lúc đó gia đình ông bà có đất gần ở đó đã khai phá để canh tác sử dụng vào năm 1989. Do đó, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Trần Xuân T. Đề nghị Tòa án căn cứ vào đơn khởi kiện cũng như lời khai của ông T cùng các tài liệu chứng cứ mà ông T là chồng bà đã cung cấp cho Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Mạnh H và bà Bùi Thị Kim N tại phiên tòa trình bày:*

Ông bà là con ruột của ông Bùi Văn H, nguồn gốc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 và một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40, tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L, hiện nay đang tranh chấp giữa bố ông và ông T có một phần là trước đây bố ông đã khai hoang từ năm 1984 và một phần đất sau khi nghĩa trang di chuyển về Nậm Loong năm 1989 gia đình ông có khai phá để canh tác. Năm 1998 bố ông cho vợ chồng ông Trần Xuân T mượn đất để canh tác thì lúc đó ông bà đều đi học ở Thuận Châu, Sơn La nên không biết, sau khi đi học về cho đến năm 2011 ông

bà mới biết là bố ông cho ông bà T N mượn đất nhưng lúc đó ông bà đều không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu ông bà T N trả lại đất. Nay ông Trần Xuân T yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T là ông bà không đồng ý.

** Lời khai của ông Đức Hồng C là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S trình bày:*

Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L, ông có ý kiến như sau:

Theo sổ mục kê đất đai, bản đồ địa C ngày 09/12/2014, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40, xã S có diện tích 326,6 m² loại đất BHK do Ủy ban nhân dân xã S quản lý, hiện nay trên thực tế thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 do gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N đang sử dụng (Công văn số 29/UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã S).

Theo hồ sơ địa C năm 2014, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40, diện tích 1223,9 m², loại đất BHK đang quy chủ cho ông Bùi Văn H, sinh năm 1940. Đối chiếu với hồ sơ địa C năm 1999 xã S thuộc thửa 29, TĐĐ số 32 loại đất DM, diện tích 1248 m² quy chủ ông Bùi Văn H. Tại biên bản làm việc về việc Hẹp và làm việc trực tiếp cùng các hộ gia đình, thống nhất phương án giải quyết đơn của ông Trần Xuân T. Nội dung làm việc với gia đình ông Bùi Văn H ngày 28/12/2021 tại phòng Tài nguyên và Môi trường tHnh phố L, ông Bùi Mạnh H đại diện gia đình ông Bùi Văn H có ý kiến “Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40, xã S là thửa 29, TĐĐ số 32 xã T (cũ) cũng là đất của gia đình tôi sau đó Ủy ban nhân dân xã đã vận động lấy lại của gia đình tôi để giao lại cho gia đình khác ở vào khoảng năm 1988, gia đình tôi đã trả cho Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã đã giao cho gia đình bà Dung Sín và bà Hiền quản lý, sau khi gia đình bà Dung Sín chuyển lại cho ông Sâm sử dụng một thời gian ngắn thì ông Sâm chuyển nhượng lại cho ông T, phần diện tích đất này gia đình tôi nhất trí và không có tranh chấp gì với gia đình ông Trần Xuân T” (Công văn 973/UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã S).

Hiện nay thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L không thể hiện có đường đi lên nghĩa trang.

Nay ông Trần Xuân T yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T, Ủy ban nhân dân xã S không có ý kiến gì.

* Tại biên bản xác M của Tòa án ngày 17/8/2024, tại nH ông Vàng Văn M, sinh năm 1968, địa chỉ: bản C, xã S, tHnh phố L, ông M cho biết: ông có thửa đất khai hoang từ năm 1989 gần với thửa đất số 81 và 90 của gia đình ông T, ông có biết

thửa đất trên là ông T, bà N khai hoang từ năm 1989 và sử dụng, canh tác từ đó đến nay.

* Tại biên bản xác M của Tòa án ngày 17/8/2024, tại nH bà Hồ Thị M, sinh năm 1966 (vợ ông Đỗ Đình Sâm), địa chỉ: bản C, xã S, tHnh phố L, bà M cho biết: Năm 2000 gia đình bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N 01 thửa đất diện tích khoảng 1.000m² tại bản C, xã T, huyện T, tỉnh L (nay là Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L), thửa đất này ông bà nhận chuyển nhượng lại của gia đình ông bà Dung Sín và thửa đất này giáp với đất nH ông H.

* Tại phiên tòa ngày 08/11/2024, Tòa án đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐXXST-DS để xác M, thu thập chứng cứ. Theo văn bản cung cấp chứng cứ của sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì số mục thửa số 81, TĐĐ số 40, diện tích 1223,9m² loại đất BHK đang quy chủ cho ông Bùi Văn H và của Ủy ban nhân dân xã S cung cấp thì theo hồ sơ địa C năm 2014, thửa số 81, TĐĐ số 40, diện tích 1223,9m² loại đất BHK đang quy chủ cho ông Bùi Văn H. Đối chiếu với hồ sơ địa C năm 1999 xã S thuộc thửa đất số 29, TĐĐ số 32, loại đất DM, diện tích 1248 m² quy chủ ông Bùi Văn H. Căn cứ công văn số 600/UBND-TNMT ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân tHnh phố L về việc trả lời đơn đề nghị của công dân: "...Đối với bản đồ đo đạc địa C được nghiệm thu năm 2014, đã đo đạc quy chủ các thửa đất số 81, 90 TĐĐ số 40, xã S cho hộ ông Trần Xuân T chồng lần lên một phần thửa đất số 71, TĐĐ số 32, xã T loại đất giao thông dẫn đến không còn lối đi chung vào đất của ông Bùi Văn H, do đó phải thực hiện chỉnh lý, điều chỉnh ranh giới, giảm diện tích các thửa số 81, 90 TĐĐ số 40, xã S trả lại phần đường giao thông chung..." và tại Mục 3 của công văn số 600/UBND-TNMT ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân tHnh phố L giao: "Văn phòng đăng ký đất đai tinh chỉnh lý điều chỉnh phạm vi, ranh giới các thửa số 81, 90 TĐĐ số 40, xã S trả lại phần đường giao thông...". Như vậy thửa đất số 81, 90 TĐĐ số 40 được đo đạc, quy chủ bao gồm một phần đất đường giao thông và một phần diện tích đất còn lại là do ông Trần Xuân T đang sử dụng.

* Tại biên bản xác M của Tòa án ngày 04/12/2024, tại nH ông Trần Mạnh Lom, địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, ông Lom cho biết: Năm 1980 ông về đây công tác và là người trực tiếp san ủi đường đi lên nghĩa trang và ông có biết vợ chồng ông T, bà N có khai hoang đất để trồng khoai hiện nay là thửa đất số 90, TĐĐ số 40, xã S từ năm 1988 thửa đất này giáp với thửa đất nH ông T, bà N hiện nay và ba gia đình ông Tùng, ông C, ông Chiêu là người mua lại đất của ông T, bà N.

* Tại biên bản xác M của Tòa án ngày 04/12/2024, tại nH ông Vũ Văn Trường, địa chỉ: Bản Mới, xã S, tHnh phố L, ông Trường cho biết: Ngày 31/12/1979 ông về đây công tác tại đội máy kéo T (nay là Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L). Trước đây ông cũng có mảnh nương gần nghĩa trang mà hiện nay đã giải tỏa gần thửa đất mà ông T, bà N và ông H đang tranh chấp và ông có biết thửa đất này ông T, bà N khai hoang từ năm 1988, thửa đất này giáp với thửa đất nH ông T, bà N hiện nay đang ở.

* Tại biên bản xác M của Tòa án ngày 04/12/2024, tại nH ông Mạc Văn Đích, địa chỉ: Tổ 9, phường Tân Phong, tHnh phố L, ông Đích cho biết: Ông từ quê Hải Phòng lên L dạy học từ năm 1960, từ năm 1974 ông về ở và dạy học tại trường học gần nH ông Bùi Văn H nay là Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L. Khoảng thời gian từ năm 1985 ông ở đây và biết ông H khai hoang đất trồng khoai tại mảnh đất ở khu sườn của nghĩa trang đằng sau nH ông H bây giờ (Đất nH ông H hiện nay đang ở mua lại của ông bà Đạm Nhạc và sau có khai hoang thêm).

* Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố L có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp Hnh đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến Hnh thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác M, thu thập chứng cứ là đúng quy định tại Điều 235, 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã chấp Hnh đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, tHnh phần. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, 184, 189 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 31, 37 và Điều 236 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T.

Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L cho hộ gia đình ông Trần Xuân T.

2. Đình chỉ đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Xuân T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 11,8m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 20,7m². Tổng diện tích đất là 32,5m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T số tiền 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Bùi Văn H;

5. Đề nghị ghi nhận và giải thích quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi Hnh án của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Sau khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Thửa đất đang tranh chấp tại xã S, tHnh phố L, tỉnh L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 29/12/2023 nguyên đơn ông Trần Xuân T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 11,8m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 20,7m². Tổng diện tích đất là 32,5m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 32,5m² là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2023, phần diện tích đất tranh chấp hiện nay giữa nguyên đơn ông Trần Xuân T và bị đơn ông Bùi Văn H tranh chấp là đất trồng đỗ và trồng rau.

Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là:

- Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9 m², loại đất nông nghiệp, được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 19, 20, 21, 22, 23, 24,25,26 tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông Nam giáp thửa đất số 90 của nH ông Trần Xuân T

Phía Tây Bắc giáp đất nH ông Bùi Văn H

Phía Đông Bắc giáp đất đất ông Vàng Văn M

Phía Tây Nam giáp lối đi (đất đã bị thu hồi).

- Thừa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7 m², loại đất nông nghiệp, được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19. Có phần diện tích đất 102,1 m² là đường đi lên nghĩa trang trước đây (đường do ông H xác định) và có 73,9 m² đất đang tranh chấp.

Vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông Nam giáp đất thổ cư của nH ông Trần Xuân T, ông Đặng Xuân Tùng, ông Trần Văn C, ông Phạm Xuân Chiêu

Phía Tây Bắc giáp đất nH ông Bùi Văn H

Phía Đông Bắc giáp đất đã bị thu hồi

Phía Tây Nam giáp lối đi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu yêu cầu Tòa án công nhận thừa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thừa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Thừa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m², tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L có nguồn gốc là năm 2000, gia đình ông T mua của ông Đỗ Đình Sâm diện tích 1000m². Khi mua đất của ông Đỗ Đình Sâm thì ông Trần Xuân T là người đứng tên trong giấy tờ mua đất và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cũ và một phần đất là gia đình ông T khai hoang năm 1990; Thừa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L có nguồn gốc là năm 1988 gia đình ông T được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cấp và một phần gia đình ông T khai phá cải tạo năm 1989, có ông Vàng Văn M, ông Trần Mạnh Lom, ông Vũ Văn Trường biết. Căn cứ vào Giấy chuyển quyền sử dụng đất giữa người chuyển nhượng ông Đỗ Đình Sâm và người nhận chuyển nhượng ông Trần Xuân T có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cũ ngày 15/6/2000; bản xác M của Tòa án ngày 17/8/2024, tại nH ông Vàng Văn M, ông M, biên bản xác M của Tòa án ngày 17/8/2024, tại nH bà Hồ Thị M (vợ ông Đỗ Đình Sâm); bản xác M của Tòa án ngày 04/12/2024, tại nH ông Trần Mạnh Lom; bản xác M của Tòa án ngày 04/12/2024, tại nH ông Vũ Văn Trường; biên bản kiểm tra thực địa điều chỉnh diện tích, mục đích sử dụng, quy lại chủ sử dụng đất ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã S (BL79) thể hiện nội dung: Thừa đất số 81, 90 tờ bản đồ số 40, tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L hiện nay gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N vẫn đang sử dụng có nguồn gốc: một phần diện tích là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của ông Đỗ Đình Sâm từ tháng 6 năm 2000, đất ông Sâm khai hoang sử dụng từ năm 1990 (không có giấy tờ), một phần diện tích khai hoang sử dụng từ năm 1990 (không có giấy tờ). Hiện tại gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N vẫn đang sử dụng mảnh đất trên với mục đích trồng cây Hng năm. Các thửa đất có ranh giới, kích thước rõ ràng không có tranh

chấp với các hộ giáp ranh liên quan. Tuy nhiên gia đình ông Bùi Văn H là hộ giáp ranh với gia đình ông T, bà N có ý kiến: Do đo đạc quy chủ sai bao gồm cả đất nương nh ông H và đường đi lên nh ông H nên gia đình không ký xác nhận kết quả đo của Văn phòng đăng ký đất đai đã đo đạc. Qua kiểm tra xác M thực tế phần đất gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N đang sử dụng có ranh giới, kích thước rõ ràng và đã được đo đạc để chỉnh lý lại diện tích từng thửa đất và Ủy ban nhân dân xã S đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L chỉnh lý hồ sơ địa C cho hộ gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N đề Ủy ban nhân dân xã hoàn thiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Tuy nhiên ông H không ký vào kết quả đo đạc nên Văn phòng đăng ký đất đai sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L chưa chỉnh lý hồ sơ địa C cho hộ gia đình ông Trần Xuân T.

[4.2] Việc sử dụng đất:

Gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N đã quản lý và sử dụng, cải tạo thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L từ năm 1988, 1989 cho đến nay và có ông Vàng Văn M, ông Trần Mạnh Lom, ông Vũ Văn Trường biết. Như vậy gia đình ông Trần Xuân T, bà Nguyễn Thị N có thời gian quản lý và sử dụng, cải tạo các thửa đất trên 30 năm, có công sức cải tạo, giữ gìn. Do đó, có đủ điều kiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

[4.3] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T là có căn cứ pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T, Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L cho hộ gia đình ông Trần Xuân T.

[5] Đối với việc bị đơn ông Bùi Văn H cho rằng năm 1998 ông đã cho vợ chồng ông Trần Xuân T mượn 02 mảnh đất phía tây giáp đất của ông T để trồng ngô, khoai và tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2023 ông H đã chỉ phần đất mà ông H cho rằng ông cho ông T mượn (trong đó có một phần đường đi lên nghĩa trang trước đây và phần đất đang tranh chấp) thì theo kết quả đo đạc thực tế phần diện tích đất 102,1m² là đường đi lên nghĩa trang trước đây và phần diện tích đất 73,9m² đang tranh chấp và ông H đề nghị ông T phải trả lại cho ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Công văn số 29/UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã S, tHnh phố L (BL114) thể hiện: Theo sổ mục kê ngày 09/12/2014, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40, xã S có diện tích 326,6m² loại đất BHK do Ủy ban nhân dân xã S quản lý, theo sổ mục kê ngày 09/12/2014 diện tích 102,1m² nằm trong một phần các thửa đất số 89 và 90, tờ bản đồ số 40 do Ủy ban nhân dân xã S quản lý, đến tháng 8 năm 2022 gia đình ông Trần Xuân T và vợ Nguyễn Thị N đề nghị được quy

lại chủ sử dụng đất thực tế gia đình đang sử dụng đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 xã S có diện tích 1.201,3 m² để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay trên thực tế thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 do gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N đang sử dụng; Căn cứ biên bản làm việc về việc Họp và làm việc trực tiếp cùng các hộ gia đình, thống nhất phương án giải quyết đơn của ông Trần Xuân T (BL12). Nội dung làm việc với gia đình ông Bùi Văn H ngày 28/12/2021 tại phòng Tài nguyên và Môi trường tHnh phố L, ông Bùi Mạnh H đại diện gia đình ông Bùi Văn H có ý kiến “Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40, xã S là thửa 29, TBĐ số 32 xã T (cũ) cũng là đất của gia đình tôi sau đó Ủy ban nhân dân xã đã vận động lấy lại của gia đình tôi để giao lại cho gia đình khác ở vào khoảng năm 1988, gia đình tôi đã trả cho Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã đã giao cho gia đình bà Dung Sín và bà Hiền quản lý, sau khi gia đình bà Dung Sín chuyển lại cho ông Sâm sử dụng một thời gian ngắn thì ông Sâm chuyển nhượng lại cho ông T, phần diện tích đất này gia đình tôi nhất trí và không có tranh chấp gì với gia đình ông Trần Xuân T”. Như vậy, ngoài lời khai của ông Bùi Văn H ra không có chứng cứ khác để chứng M về việc ông H cho vợ chồng ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N mượn 02 mảnh đất nói trên từ năm 1998, nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T và đề nghị Tòa án công nhận thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để xem xét.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Mạnh H và bà Bùi Thị Kim N đều cho rằng nguồn gốc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 và một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40, tại bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L, hiện nay đang tranh chấp giữa bố ông và ông T có một phần là trước đây bố ông đã khai hoang từ năm 1984 và một phần đất sau khi nghĩa trang di chuyển về Nậm Loỏng năm 1989 gia đình khai phá để canh tác. Năm 1998 do ông bà đi học ở Thuận Châu, Sơn La nên không có người làm nên bố ông bà cho vợ chồng ông Trần Xuân T mượn đất để canh tác. Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời khai của ông bà ra không có chứng cứ khác để chứng M về việc ông H cho vợ chồng ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N mượn 02 mảnh đất nói trên từ năm 1998, nên không có cơ sở để xem xét.

[8] Đối với việc các đương sự đều khai thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 trước đây có một phần đất là đường đi lên nghĩa trang, sau đó năm 1988 nghĩa trang di chuyển về Nậm Loỏng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S thì trên bản đồ địa C năm 2014 không thể hiện có đường đi lên nghĩa trang mà hiện nay trên

thực tế thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 do gia đình ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị N đang sử dụng.

[9] Theo sổ Mục kê thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.223,9m², loại đất BHK đang quy chủ cho ông Bùi Văn H, sinh năm 1940 được xác lập ngày 09/12/2014. Xét thấy, đối với việc Ủy ban nhân dân xã S, tHnh phố L thực hiện việc quy chủ cho ông Bùi Văn H thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.223,9m² là chưa đảm bảo theo đúng hiện trạng của người đang sử dụng đất.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự ông Bùi Văn H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nay ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Xuân T số tiền 2.000.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Bùi Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn ông Trần Xuân T là người cao tuổi, nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, Điều 184, Điều 189 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 31, 37 và Điều 236 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T.

Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m² tại Bản Mới, xã S, tHnh phố L, tỉnh L cho hộ gia đình ông Trần Xuân T, cụ thể:

- Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 870,9 m², loại đất nông nghiệp.

Vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông Nam giáp thửa đất số 90 của nH ông Trần Xuân T

Phía Tây Bắc giáp đất nH ông Bùi Văn H

Phía Đông Bắc giáp đất đất ông Vàng Văn M

Phía Tây Nam giáp lối đi (đất đã bị thu hồi).

- Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 1.180,7m², loại đất nông nghiệp.

Vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông Nam giáp đất thổ cư của nH ông Trần Xuân T, ông Đặng Xuân Tùng, ông Trần Văn C, ông Phạm Xuân Chiêu

Phía Tây Bắc giáp đất nH ông Bùi Văn H

Phía Đông Bắc giáp đất đã bị thu hồi

Phía Tây Nam giáp lối đi.

(có sơ đồ Mạnh trích đo kèm theo)

Hộ gia đình ông Trần Xuân T có quyền liên hệ với Cơ quan nH nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2] Đình chỉ đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Xuân T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 11,8m² và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 20,7m². Tổng diện tích đất là 32,5m², tại bản Mối, xã S, tHnh phố L, tỉnh L.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T số tiền 2.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Bùi Văn H;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân

sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Các đương sự;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Các đương sự;
- Người BVQLHP;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS tHnh phố;
- Chi cục THADS tHnh phố;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

